

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN TRANG ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN TRANG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANG ANH INVESTMENT TRADING DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106944897

**3. Ngày thành lập:** 19/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tân Châu, Xã Chu Phan, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904274275

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 2.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224        |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>Khách sạn<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                         | 5510        |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 6.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 7.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 8.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 9.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                           | 5621        |
| 10. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629        |
| 11. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100(Chính) |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                   | 4511 |
| 19. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                    | 4530 |
| 20. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                     | 4541 |
| 21. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                   | 4542 |
| 22. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                 | 4543 |
| 23. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                         | 4610 |
| 24. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632 |
| 25. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                    | 4649 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                   | 4931 |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                      | 4932 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ                                                                                                                                                 | 6499 |
| 31. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản                                                                                                                                        | 6820 |
| 32. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310 |
| 33. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                | 7710 |
| 34. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                        | 7911 |
| 35. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                 | 7912 |
| 36. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                          | 7920 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TUẤN BẮC  | Thôn Tân Châu, Xã Chu Phan, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 408.000    | 4.080.000.000         | 60        | 013487761                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 408.000    | 4.080.000.000         | 60        |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN TRUNG | Thôn Tân Châu, Xã Chu Phan, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 68.000     | 680.000.000           | 10        | 001083004630                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 68.000     | 680.000.000           | 10        |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THỊ THẠCH   | Thôn Tân Châu, Xã Chu Phan, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 204.000    | 2.040.000.000         | 30        | 008190000017                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 204.000    | 2.040.000.000         | 30        |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN TUẤN BẮC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 10/05/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013487761

Ngày cấp: 24/11/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Tân Châu, Xã Chu Phan, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Tân Châu, Xã Chu Phan, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội